

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3511/QĐ-ĐHTL ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủy lợi)

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			30								
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13								
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Luật	2	2							
2	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Mác-Lênin	3	3							
3	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Mác-Lênin	2		2						
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science Socialism	SCSO232	Mác-Lênin	2			2					
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2				
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2					2			
I.2	Kỹ năng	Skills			3								
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp	Soft Skills and Entrepreneurship	SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3						
I.3	Khoa học tự nhiên	Natural Science			5								
8	Toán cho các nhà kinh tế	Mathematics for Economists	MAEC112	Toán học	3		3						
9	Nhập môn xác suất thống kê	Introduction to Probability and Statistic	MATH253	Toán học	2			2					
I.4	Tin học	Informatics			3								
10	Kỹ năng số và Khai thác AI	Digital Skills and AI Utilization	CSE105	Tin học và Kỹ thuật tính toán	3	3							
I.5	Ngoại ngữ	Foreign Language			6								
11	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3					
12	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3				
I.6	Giáo dục quốc phòng	National Defence Education			165t	8*							
I.7	Giáo dục thể chất	Physical Education			3*	1*	1*	1*					

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
II	GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	PROFESSIONAL EDUCATION			100								
II.1	Kiến thức cơ sở	Foundational Knowledge			36								
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	Foundation Subjects			21								
13	Nguyên lý kinh tế vi mô	Principles of Microeconomics	ECON102	Kinh tế	3	3							
14	Quản trị học	Management	BACU101	Quản trị kinh doanh	2	2							
15	Nguyên lý kinh tế vĩ mô	Principles of Macroeconomics	ECON103	Kinh tế	3		3						
16	Nguyên lý kế toán	Accounting Principles	ACC102	Kế toán	3		3						
17	Tài chính - Tiền tệ	Basics of Money and Finance	ACC101	Tài chính	2			2					
18	Marketing căn bản	Principles of Marketing	BACU102	Quản trị kinh doanh	3				3				
19	Luật thương mại	Commercial Law	CLAW204	Luật	2			2					
20	Nguyên lý thống kê	Principles of Statistics	BACU203	Quản trị kinh doanh	3			3					
2	Kiến thức cơ sở ngành	Core Subjects			15								
21	Kinh tế thương mại dịch vụ	Economic-Commerce-Service	LSCU102	Logistics và Chuỗi cung ứng	3	3							
22	Quản trị kinh doanh thương mại	Commercial Business Management	LSCU210	Logistics và Chuỗi cung ứng	2		2						
23	Thương mại điện tử căn bản	E-Commerce Fundamentals	BACU206	Thương mại điện tử	3		3						
24	Hoạt động logistics và Thương mại doanh nghiệp	Logistics and Business Operations	LSCU321	Logistics và Chuỗi cung ứng	2						2		
25	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong kinh tế và kinh doanh	Applications of Artificial Intelligence in Economics and Business	AIEB325	Kinh tế và kinh doanh số	3						3		
26	Tiếng anh chuyên ngành logistics	English for Logistics	LSCU207	Logistics và Chuỗi cung ứng	2				2				
II.2	Kiến thức ngành, chuyên ngành	Core Units			64								
1	Các học phần bắt buộc	Compulsory Units			50								

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
27	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	LSCU101	Logistics và Chuỗi cung ứng	3			3					
28	Quản trị logistics căn bản	Fundamentals of Logistics Management	LSCU208	Logistics và Chuỗi cung ứng	3				3				
29	Kinh doanh dịch vụ logistics	Business in Logistics	LSCU311	Logistics và Chuỗi cung ứng	3					3			
30	Quản trị doanh nghiệp logistics	Logistics Business Management	LSCU312	Logistics và Chuỗi cung ứng	3					3			
31	Quản trị Cảng biển trong hệ thống logistics	Port Management in the Logistics System	LSCU319	Logistics và Chuỗi cung ứng	2					2			
32	Định mức kinh tế- kỹ thuật trong kinh doanh dịch vụ logistics	Economic-technical Norms in Logistics Service Business	LSCU314	Logistics và Chuỗi cung ứng	3					3			
33	Ứng dụng định lượng trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Quantitative Applications in Logistics and Supply Chain Management	LSCU322	Logistics và Chuỗi cung ứng	3						3		
34	Kinh doanh kho và bao bì trong logistics	Warehouse and Packaging Business in Logistics	LSCU315	Logistics và Chuỗi cung ứng	3						3		
35	Nghiệp vụ Hải quan	Customs Operations	LSCU317	Logistics và Chuỗi cung ứng	3						3		
36	Nghiệp vụ Xuất Nhập khẩu	Import and Export Operations	LSCU205	Logistics và Chuỗi cung ứng	3				3				
37	Hệ thống thông tin quản lý trong logistics	Management Information Systems in Logistics	LSCU323	Logistics và Chuỗi cung ứng	2						2		
38	Đề án chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Scheme of Logistics and Supply Chain	LSCM324	Logistics và Chuỗi cung ứng	2						2		
39	Giao dịch và đàm phán kinh doanh logistics	Transactions and Negotiations in Logistics	LSCU316	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	

TT	Học phần (Tiếng Việt)	Học phần (Tiếng Anh)	Mã Học phần	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK 1	HK 2	HK 3	HK 4	HK 5	HK 6	HK 7	HK 8
40	Pháp luật về Logistics	Logistic Law	LSCU209	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
41	Hàng hóa và thương hiệu trong logistics	Goods and Brands in Logistics	LSCU420	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
42	Nghệp vụ vận tải và Giao nhận hàng hóa quốc tế	Logistics and International Freight Forwarding	LSCU421	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
43	Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp logistics	Business Strategy in Logistics	LSCU422	Logistics và Chuỗi cung ứng	3							3	
44	Quản trị Vận tải đa phương thức	Multimodal Transport Management	LSCU423	Logistics và Chuỗi cung ứng	2							2	
2	Các học phần tự chọn	Elective Units			4					4			
45	Phát triển hệ thống logistics	Logistics System Development	LSEU325	Logistics và Chuỗi cung ứng	2					2			
46	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng xanh	Green Logistics and Supply Chain Management	LSEU326	Logistics và Chuỗi cung ứng	2					2			
47	Quản lý nhà nước về kinh tế	State Management in Economy	SMIE212	Kinh tế xây dựng	2					2			
48	An toàn và vệ sinh lao động trong logistics	Occupational Safety and Health in Logistics	LSEU328	Logistics và Chuỗi cung ứng	2					2			
3	Thực tập và học phần tốt nghiệp	Internship and Graduation Thesis			10								
3.1	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	GILS421	Logistics và Chuỗi cung ứng	3								3
3.2	Học phần tốt nghiệp	Graduation Thesis	GLST422	Logistics và Chuỗi cung ứng	7								7
	Tổng cộng (I + II)				130	16	19	17	16	17	18	17	10